

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc trợ giá cho các tuyến xe buýt từ nguồn ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Quyết định số 34/2006/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy định về quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 606/TTr-SGTVT ngày 12/4/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định các tuyến xe buýt được trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và giá vé các tuyến như sau:

1. Tuyến số 2 (bến xe Biên Hòa - trạm xe Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch):
 - Giá vé đi trên nửa tuyến đến suốt tuyến: 8.000 đồng/lượt.
 - Giá vé đi nửa tuyến: 5.000 đồng/lượt.
 - Giá vé đối với công nhân và học sinh: 3.000 đồng/lượt.
2. Tuyến số 3 (trạm xe Hồ Nai - xã Hóa An, thành phố Biên Hòa): Giá vé 3.000 đồng/lượt.
3. Tuyến số 6 (bến xe Biên Hòa - bến xe ngã 4 Vũng Tàu, thành phố Biên Hòa): Giá vé 3.000 đồng/lượt.
4. Tuyến số 7 (bến xe Biên Hòa - trạm xe Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu):
 - Giá vé đi trên nửa tuyến đến suốt tuyến: 4.000 đồng/lượt.
 - Giá vé đi nửa tuyến: 3.000 đồng/lượt.
 - Giá vé đối với công nhân và học sinh: 3.000 đồng/lượt.
5. Tuyến số 8 (bến xe ngã 4 Vũng Tàu, thành phố Biên Hòa - trạm xe Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu): Giá vé 3.000 đồng/lượt.

Điều 2. Quy định khác

1. Các tuyến xe buýt đi qua Khu công nghiệp Biên Hòa 2 gồm: Tuyến số 2, 4, 6, 8, 10, 11, 601, 602 và 603; đi qua Khu công nghiệp Amata gồm: Tuyến số 1, 8, 9, 10, 12, 16, 601, 602 và 604 các doanh nghiệp vận tải áp dụng giá vé 3.000 đồng/lượt đối với công nhân để khuyến khích công nhân đi lại bằng phương tiện xe buýt.

2. Vé tháng, vé tập cho từng tuyến xe buýt giảm 25% và được sử dụng để đi lại trên các tuyến có cùng giá vé.

3. Miễn vé đi lại cho trẻ em dưới 07 tuổi, thương binh, người tàn tật.

Điều 3. Phương thức trợ giá

1. Nguyên tắc trợ giá được tính cho từng chuyến xe và từng loại trọng tải xe khai thác trên tuyến.

2. Mức trợ giá được xác định bằng phương pháp khoán tiền trợ giá. Tiền khoán trợ giá = (bằng) Tổng chi phí theo định mức, đơn giá – (trừ) Tổng doanh thu khoán.

Điều 4. Hệ số sử dụng trọng tải khoán

Hệ số sử dụng trọng tải khoán cụ thể theo bảng sau:

STT	Tuyến vận chuyển	Hệ số sử dụng trọng tải khoán
1	Tuyến số 2: Bến xe Biên Hòa - trạm xe Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch	1,00
2	Tuyến số 3: Trạm xe Hồ Nai - xã Hóa An, thành phố Biên Hòa	0,90
3	Tuyến số 6: Bến xe Biên Hòa - bến xe ngã 4 Vũng Tàu, thành phố Biên Hòa	0,90
4	Tuyến số 7: Bến xe Biên Hòa - trạm xe Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	0,85
5	Tuyến số 8: Bến xe ngã 4 Vũng Tàu, thành phố Biên Hòa - trạm xe Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	0,90

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giao thông Vận tải:

- Căn cứ Quyết định này xây dựng tiền trợ giá đối với các tuyến xe buýt và 02 tuyến xe chuyển tiếp công nhân vào làm việc tại khu công nghiệp Biên Hòa 2, khu công nghiệp Amata có trợ giá từ ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định.

- Cứ hồ sơ đăng ký khai thác tuyến của các doanh nghiệp vận tải để ban hành Quyết định giao tuyến cho các doanh nghiệp vận tải khai thác theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp vận tải; Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng; các doanh nghiệp quản lý và khai thác bến xe căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức khai thác tuyến, quản lý và điều hành hoạt động của các tuyến xe buýt nhằm bảo đảm hiệu quả kinh doanh, giảm dần tiền trợ giá cho ngân sách nhà nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải quản lý, tổ chức tốt việc thực hiện các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh và việc thanh quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp vận tải theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan:

- Thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt tiền trợ giá đối với các tuyến xe buýt và 02 tuyến xe chuyển tiếp công nhân vào làm việc tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Khu công nghiệp Amata có trợ giá từ ngân sách nhà nước.

- Tổ chức thực hiện tốt việc thanh, quyết toán tiền trợ giá bảo đảm kịp thời cho các doanh nghiệp vận tải khai thác tuyến.

- Kiểm tra hồ sơ và cân đối kinh phí giải quyết cho tạm ứng và thanh, quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp vận tải theo đúng quy định.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ động phối hợp với các ngành liên quan tăng cường tuyên truyền vận động và sớm thực hiện cấp thẻ ưu tiên đi xe buýt cho người tàn tật trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tăng cường thông tin đến các trường trung học, trường phổ thông, các trường cao đẳng và đại học trên địa bàn tỉnh để học sinh, sinh viên được biết và hưởng ứng đi lại bằng phương tiện xe buýt.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn Khu công nghiệp Biên Hòa, Công ty Cổ phần Sonadezi, Công ty Cổ phần Amata, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng và các cơ quan liên quan làm việc với các doanh nghiệp sử dụng lao động trong các khu công nghiệp có công nhân đi lại làm việc trên 02 tuyến xe chuyển tiếp vào Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Khu công nghiệp Amata và vận động các doanh nghiệp sử dụng lao động hỗ trợ kinh phí nhằm giảm tiền trợ giá cho ngân sách của tỉnh.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, Công đoàn Khu công nghiệp Biên Hòa:

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động công nhân đi lại làm việc bằng xe buýt nhằm giảm ùn tắc giao thông, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông, tiết kiệm được chi phí và bảo đảm sức khỏe cho công nhân.

- Chỉ đạo Công đoàn các doanh nghiệp sử dụng lao động phối hợp với doanh nghiệp sử dụng lao động tổ chức tuyên truyền, vận động công nhân đi làm việc bằng phương tiện xe buýt để việc tổ chức xe buýt kết hợp đưa rước công nhân đạt hiệu quả.

- Phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh làm việc với các doanh nghiệp sử dụng lao động hỗ trợ kinh phí cho công nhân để công nhân có điều kiện đi làm việc bằng phương tiện xe buýt.

8. Các cơ quan Thông tin đại chúng

Thường xuyên thông tin, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng về chính sách của nhà nước trong việc trợ giá cho các tuyến xe buýt hiện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh giúp cho công nhân, học sinh, sinh viên và nhân dân được biết để hưởng ứng đi lại bằng phương tiện xe buýt nhằm giảm ùn tắc giao thông, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 53/2006/QĐ-UBND ngày 12/6/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có trợ giá từ ngân sách nhà nước; bãi bỏ Công văn số 11063/UBND-KT ngày 29/12/2008 và Công văn số 1581/UBND-KT ngày 28/02/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giá vé và hệ số sử dụng trọng tải khoản nêu tại Điều 1, Điều 4 Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01/6/2010.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, Công đoàn Khu công nghiệp Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT, CNN.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh